TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2024/HS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hảo;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Trần Thị Huyện;

Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Nguyễn Công Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Đàm Công Tư- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Y; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/5/1985, tại tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại (không đăng ký tạm trú): Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 064085006410, cấp ngày 21/11/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông T và bà N; Anh chị em có 03 người bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ P, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2013); Có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay có mặt phiên tòa.

2.Nguyễn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/6/1966, tại tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện tại: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 040066002255, cấp ngày 03/4/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông H (đã chết) và bà T (đã chết); Anh chị em có 08 người bị cáo là con thứ năm trong gia

đình; Vợ Nguyễn A, sinh năm 1974; Có 02 con lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay có mặt phiên tòa.

3. Nguyễn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/5/1981, tại tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 066081002072; cấp ngày 09/12/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông N (đã chết) và bà Bé; Anh chị em có 02 người bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: thứ nhất, sống chung như vợ chồng với chị K, sinh năm 1984, có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004, đã chấm dứt việc sống chung năm 2007; Thứ hai, sống chung như vợ chồng với chị Y V, sinh năm 1986, có 03 con chung, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016, đã chấm dứt việc sống chung năm 2017; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số: 21/2021/HSST ngày 28/6/2021 của Toà án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* (đến ngày phạm tội chưa được xoá án tích).

- Về nhân thân: Tại Bản án số 03/2009/HSST ngày 21/01/2009 của Toà án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp tài sản"* (đã được xoá án tích). Tại quyết định số 05/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2020 của Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế B xử phạt 400.000 đồng và Tại quyết định số 80/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2020 của Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế B xử phạt 500.000 đồng vi phạm hành chính đều về hành vi "*Cư dân biên giới qua lại biên giới không đúng các điểm quy định dành cho việc qua lại biên giới*"; *(đã chấp hành xong các quyết định xử phạt hành chính, đã qua thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính)*.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay có mặt phiên tòa.

4. Đinh Nh; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/12/1992, tại tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 062092001825, cấp ngày 05/11/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông E và bà T; Anh chị em có 03 người bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Sống chung như vợ chồng với chị K, sinh năm 1993; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay có mặt phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị A; Sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào ngày 11/12/2023, Huỳnh Y, Đinh Nh, Nguyễn T đi hái cà phê thuê cho Nguyễn Đ tại thôn I, xã P, huyện N. Đến tối cùng ngày, sau khi hái cà phê xong thì về ăn cơm, nhậu tại nhà ở của Đ thuộc đường N, thôn I, xã P, huyện N. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn nhậu xong thì Huỳnh Y ngồi trên chiếu trải trong phòng bếp, sử dụng điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen – xanh của Y, để chơi game "Xóc Bầu Cua" trên ứng dụng "bau cua 2024-2025". Nguyễn Đ, Đinh Nh, Nguyễn T thấy vậy nên cùng ngồi xuống chiếu xem thì Y nói "hay anh em chơi chút cho vui", thì được Đ, Nh, T thống nhất chơi thắng thua bằng tiền. Lúc này, vì không có bộ dụng cụ "Xóc Bầu Cua" nên cả nhóm thống nhất sử dụng điện thoại nhãn hiệu VIVO trên của Huỳnh Y mở ứng dụng "bau cua 2024-2025" để xóc thay cho bộ dụng cụ "Xóc Bầu Cua". Cả nhóm thỏa thuận với nhau mức đặt cược ít nhất là 50.000 đồng và nhiều nhất không quá 200.000 đồng, mỗi người được làm cái 03 ván sau đó chuyển cho người kế tiếp, ai không muốn làm cái thì có thể bỏ qua. Huỳnh Y là người làm cái đầu tiên, dùng điện thoại để bấm xóc. Y có số tiền 4.500.000đ *(bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* trong người và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Đ có số tiền 4.300.000đ *(bốn triệu ba trăm nghìn đồng)* và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. T mang theo số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Nh mang theo số tiền 100.000đ *(một trăm nghìn đồng)* và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi đánh bạc ngồi trên chiếc chiếu nhựa màu vàng - đỏ trải trong phòng bếp của nhà Đ. Nh ngồi quay lưng vào tủ chén và quay mặt ra hướng cửa chính căn nhà, bên trái Nh là Y và lần lượt là Đ, T. Điện thoại dùng để bấm xóc được để giữa chiếu bạc. Khi đặt cược thì từng người sẽ bỏ tiền ra giữa chiếu bạc, nói to "cửa" đặt và số tiền đặt để người làm cái biết rõ. Cả bốn người đã đánh được hai ván bạc, đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an xã P và Đội CSĐT TP về HS – KT – MT Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang. Tại thời điểm bị bắt quả tang tại chiếu bạc thì Đ đang có số tiền 4.300.000 đồng; Y đang có số tiền 4.700.000 đồng; Nh đang có số tiền 100.000 đồng; T đã thua hết

số tiền 200.000 đồng và không còn tiền. Tổng số tiền phát hiện, tạm giữ tại thời điểm bắt quả tang là 9.100.000đ *(chín triệu một trăm nghìn đồng)*.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-NH ngày 07/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo: Đ, Y, T, Nh cùng về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt T từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Đ từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với Y và Nh:

Xử phạt Y từ 08 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt Nh từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng đối với cả bốn bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 các điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu vàng-đỏ có nhiều họa tiết hoa văn, bị rách nhiều chỗ, không còn giá trị;

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước: Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 9.100.000 đồng và 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen- xanh, đã quả sử dụng, gắn sim số 0393.484.464; số kiểu máy: VIVO 2015; IMEI 1: 867842057998293; IMEI 2: 867842057998285;

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên toà: Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị A: Việc các bị cáo đánh bạc tại nhà của chị và anh Đ thì chị không biết và chị không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Y: Sau khi thu hái xong bãi cà phê, anh Đ làm cơm mời nhậu và thanh toán tiền công, do uống rượu hơi nhiều nên tôi không làm chủ được bản thân, tôi biết việc làm của mình là sai, tôi thấy rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân tôi, làm thuê sinh sống, không nhà cửa, không có tài sản gì, xin được giảm nhẹ hình phạt để tôi có điều kiện nuôi con.

- Đ: Tôi đã biết việc làm sai trái của mình, tôi xin Hội đồng xét xử cho tôi được áp dụng hình phạt tiền vì tôi phải ra khỏi địa phương để đưa vợ đi mổ u não, cho tôi được hưởng mức hình phạt thấp nhất để tôi có thêm chi phí chữa trị bệnh cho vợ, tôi hứa sau này không tái phạm nữa.

- T: Lúc đầu tôi nghĩ chơi chút cho vui, có ít tiền, không nghĩ là phạm tội, đến nay tôi biết sai nhiều và thấy rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tôi, tôi hứa sau này sẽ không vi phạm thêm gì nữa.

- Nh: Tôi đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét lần đầu vi phạm của tôi, xem xét hoàn cảnh gia đình tôi rất khó khăn, vợ chồng làm thuê để kiếm sống, không có nhà ở, không có tài sản gì đáng giá, con tôi lại bị liệt dây thần kinh thường xuyên phải đưa đi chữa trị, xin giảm nhẹ hình phạt cho tôi, sau này tôi sẽ không dám vi phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm: Toàn bộ lời khai tại phiên tòa của bốn bị cáo phù hợp với các lời khai và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm";*

[2.2] Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 11/12/2023 của cơ quan Công an huyện N, đã được các bị cáo thừa nhận tại phiên tòa là đúng, thể hiện Đ, Y, T, Nh đã có hành vi đánh bạc trái phép vào khoảng 22 giờ 30 ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại nhà của Đ, thuộc đường N, thôn I, xã P, huyện N, thông qua hình thức chơi "Xóc Bầu Cua" thắng thua bằng tiền, nhằm thu lợi bất chính, tổng số tiền đánh bạc là 9.100.000 đồng, đây chính là hành vi đánh bạc. Như vậy, cả 04 bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi đánh bạc của các bị cáo thể hiện lỗi cố ý, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với Đ, Y và Nh. Riêng đối với T, tại Bản án số 21/2021/HSST ngày 28/6/2021 của Toà án nhân dân huyện N xử phạt T 24 tháng tù về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*, tính đến ngày phạm tội đánh bạc T đã chấp hành xong bản án vào ngày 18/10/2022 nhưng chưa đủ thời gian được tính xoá án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Đ, Y và Nh trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vào ngày 25/5/2023, Đ đã cung cấp thông tin về đối tượng hoạt động phạm tội ma túy cho Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma tuý và tội phạm Miền Trung; nhờ có thông tin này giúp Đoàn đặc nhiệm PCMT&TP Miền Trung đã tổ chức, đấu tranh thành công chuyên án A2-1222.2P bắt giữ những đối tượng phạm tội và thu giữ số lượng lớn ma túy. Tại văn bản số 33/ĐĐNMT ngày 10/01/2024 của Đoàn đặc nhiệm PCMT&TP Miền Trung đã xác nhận Đ đã có công tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc phát hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, vì việc hợp tác tham gia

đóng góp của Đ sảy ra trước khi thực hiện hành vi đánh bạc nên cho Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất đồng phạm và áp dụng hình phạt:

[4.1] Áp dụng hình phạt chính: Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau đánh bạc, không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong bốn bị cáo thì Y đóng vai trò tích cực hơn là người tự mở máy của mình để chơi game "Xóc Bầu Cua" và rủ những đối tượng khác cùng tham gia đánh bạc, do đó Y chính là người khởi xướng; Y dùng điện thoại của mình làm công cụ đánh bạc, dùng số tiền đánh bạc 4.500.000 đồng. Tiếp đến là Đ tuy không thu tiền xâu, lợi ích gì nhưng biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn để cho các bị cáo và bản thân mình đánh bạc tại nơi mình ở, số tiền Đ dùng đánh bạc là 4.300.000 đồng. Tiếp đến là T, số tiền dùng đánh bạc 200.000 đồng, bản thân đã từng phạm tội, đang trong thời gian chấp hành án, chưa được xóa án tích, T lại tiếp tục phạm tội mới cho thấy ý thức về việc chấp hành pháp luật và sự ăn năn hối cải có phần hạn chế, thiếu sự tu dưỡng, giáo dục bản thân. Tiếp sau cùng là Nh, số tiền dùng đánh bạc 100.000 đồng. Sau khi xét tính chất của đồng phạm và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng hình phạt cách ly khỏi xã hội một thời gian đối với T để đảm bảo sự giáo dục, cải tạo bị cáo. Đối với Đ có đơn xin được áp dụng hình phạt tiền vì phải đưa vợ đi mổ u não, Đ đã cung cấp chứng cứ tài liệu xác định vợ đúng bị u não, Đ đã tạm nộp 25.000.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N để đảm bảo thi hành án, điều kiện và nguyện vọng của Đ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và Điều 35 của Bộ luật hình sự, được xem xét áp dụng. Đối với Y và Nh trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng giáo dục, cải tạo tại gia đình và chính quyền địa phương, không cần phải áp dụng hình phạt cách ly khỏi xã hội.

[4.2] Về hình phạt bổ sung: Cả 04 bị cáo đều làm nông, làm thuê, mức thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 04 bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 các điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

[5.1] Đối với tổng số tiền 9.100.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu và nộp ngân sách nhà nước; (trong đó của Y 4.700.000 đồng (số

tiền dùng đánh bạc 4.500.000 đồng và 200.000 đồng thắng bạc của T); của Đ 4.300.000 đồng; của Nh 100.000 đồng);

[5.2] Đối với 01 chiếu nhựa màu vàng-đỏ có nhiều họa tiết hoa văn, bị rách nhiều chỗ là tài sản của Đ và chị A, đã dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ;

[5.3] Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen- xanh, đã quả sử dụng, gắn sim số 0393.484.464, là tài sản của Y, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5.4] Đối 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại có bàn phím số, gắn sim số 0384.709.474 của Đ, không liên quan đến tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho Đ là phù hợp.

[5.5] Đối với nhà đất tại thôn I, xã P, huyện N, là địa điểm các bị cáo dùng đánh bạc; nhà đất này chưa có giấy tờ về quyền sử dụng, sở hữu, là tài sản chung của Đ và chị A, chị A không biết việc phạm tội tại nhà mình của các bị cáo và việc sử dụng nhà đất để đánh bạc nhưng không thu lợi gì nên không xử lý.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với T;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Đ;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Y và Nh;

Căn cứ khoản 1, các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Y, Đ, T và Nh phạm tội *"Đánh bạc";*

1.1 Xử phạt T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt. T được trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến ngày 22/12/2023.

1.2 Xử phạt Đ số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), để nộp ngân sách Nhà nước. Đ được đối trừ với số tiền đã tạm nộp 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng ký hiệu BLTU/23, số 0001996 ngày 08 - 4 -2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

1.3. Xử phạt Y 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08-5-2024);

1.4. Xử phạt Nh 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08-5-2024);

Giao Y cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; giao Nh cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum, trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Y có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ; gia đình Nh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Y, Đ, T, Nh.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) chiếu nhựa màu vàng-đỏ có nhiều họa tiết hoa văn, bị rách nhiều chỗ, đã qua sử dụng.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu VIVO màu đen- xanh, đã quả sử dụng, gắn sim số 0393.484.464; số kiểu máy: VIVO 2015; IMEI 1: 867842057998293; IMEI 2: 867842057998285, đã được niêm phong;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;

2.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.100.000đ (*chín triệu một trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTT//23 số 0001290 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;

3. Về án phí: Buộc Y, Đ, T, Nh mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, chị A có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đền quyền lợi của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08- 5 -2024).

Nơi nhận:
- Các Bị cáo;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo